

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : PHẠM THỊ THU HUYỀN

Giảng viên hướng dẫn: TS. CHÚC ANH TÚ

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : PHAM THỊ THU HUYỀN

Giảng viên hướng dẫn: TS. CHÚC ANH TÚ

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: PHAM THỊ THU HUYỀN. Mã SV: 110286

Lớp: .QT1102K Ngành: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, hoạt động sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người. Và trong nền kinh tế đó tất nhiên cũng không thể hạ thấp vai trò của hoạt động sản xuất.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công

ty cổ phần truyền thông Đại Dương”.

Đối tượng nghiên cứu đề tài: Chuyên đề tập trung nghiên cứu quá trình hạch toán các nghiệp vụ

1. Hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá
2. Hạch toán các chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá
3. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá tại công ty

Mục đích nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu những điểm hợp lý và bất hợp lý trong quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng tại Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí. Từ đó đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán trong điều kiện hiện nay của Công ty.

Chuyên đề gồm 3 phần sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương

Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và thầy giáo - Tiến sĩ Chuc Anh Tú. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.**

**1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH.**

1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

1.1.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

a. Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao dịch vụ

Các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}}{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

b. Các phương pháp xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT)

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu} & & & & & & \text{Thuế TTĐB,} \\ \text{BH thuần} & = & \text{DT bán} & - & \text{Chiết} & - & \text{DT BH} & - & \text{Giảm} & - & \text{Thuế XK phải} \\ & & \text{hàng} & & \text{khấu TM} & & \text{bị trả lại} & & \text{giá hàng} & & \text{nộp, thuế} \\ & & & & & & & & \text{bán} & & \text{GTGT trực tiếp} \end{array}$$

1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.2.2 Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

1.1.4 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2 VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1 Vai trò của kế toán bán hàng

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò

quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.3 KẾ TOÁN DOANH THU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.3.1 Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các hoạt động bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

b. Các loại doanh thu theo hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng hoá
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

c. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02 GTTT-3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 P XK-3LL)
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng,...

d. Sổ sách sử dụng

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung
- Sổ cái Tài khoản 511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

e. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.3.1.2 Hạch toán các khoản giảm trừ

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng

loại, quy cách. Giá trị của hàng bị tat lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm

1.3.1.3 Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, bảng kê bán lẻ, hoá đơn GTGT, thẻ quầy hàng, tờ khai thuế GTGT, bảng thanh toán hàng đại lý. Các chứng từ thanh toán như phiếu thu, uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng

- Tài khoản sử dụng:

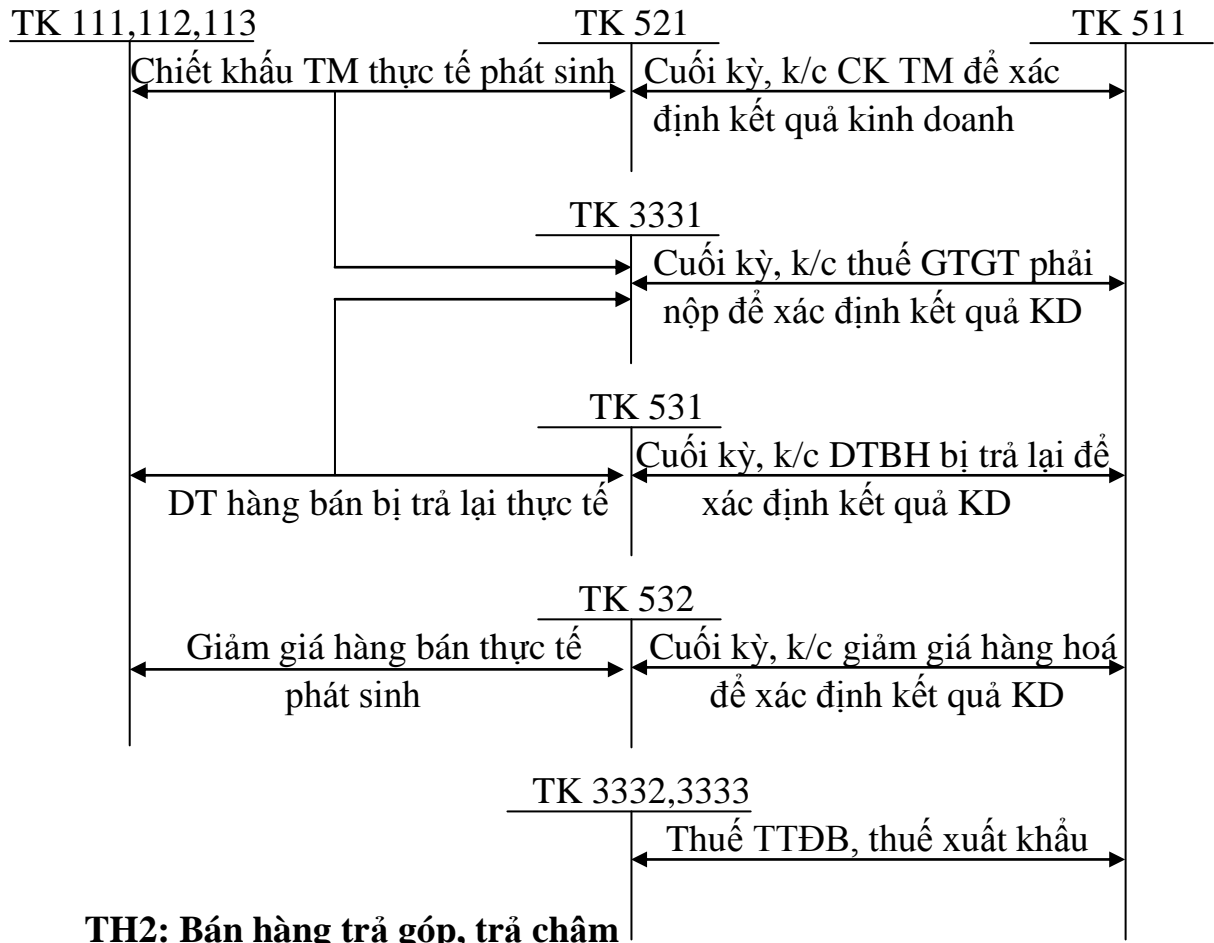
- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK 512: Doanh thu nội bộ
- + TK 521: Chiết khấu thương mại
- + TK 531: Giảm giá hàng bán
- + TK 532: Hàng bán bị trả lại

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131, 333...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TH1: Bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán

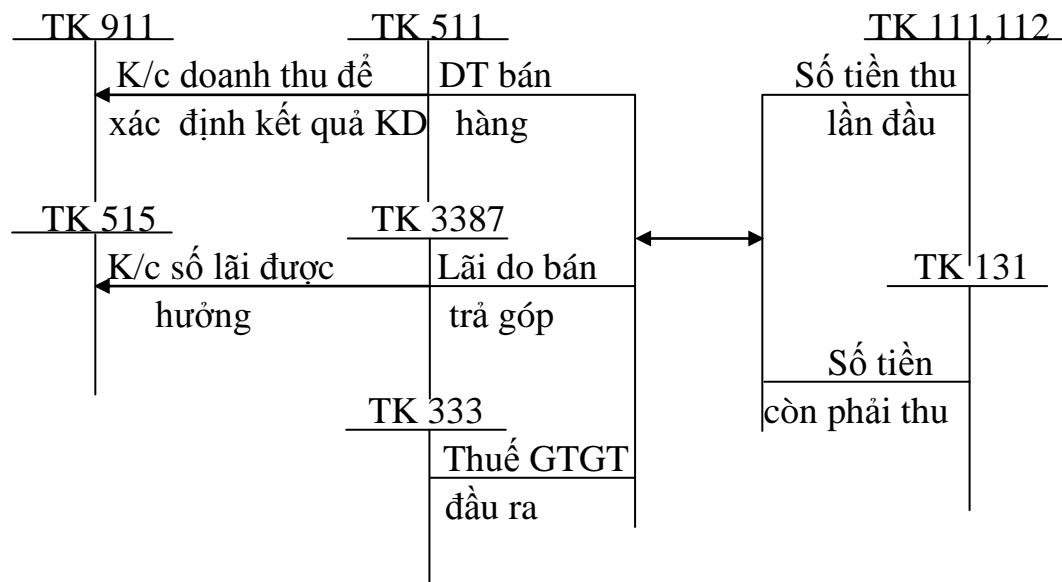
Sơ đồ 1:



TH2: Bán hàng trả góp, trả chậm

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

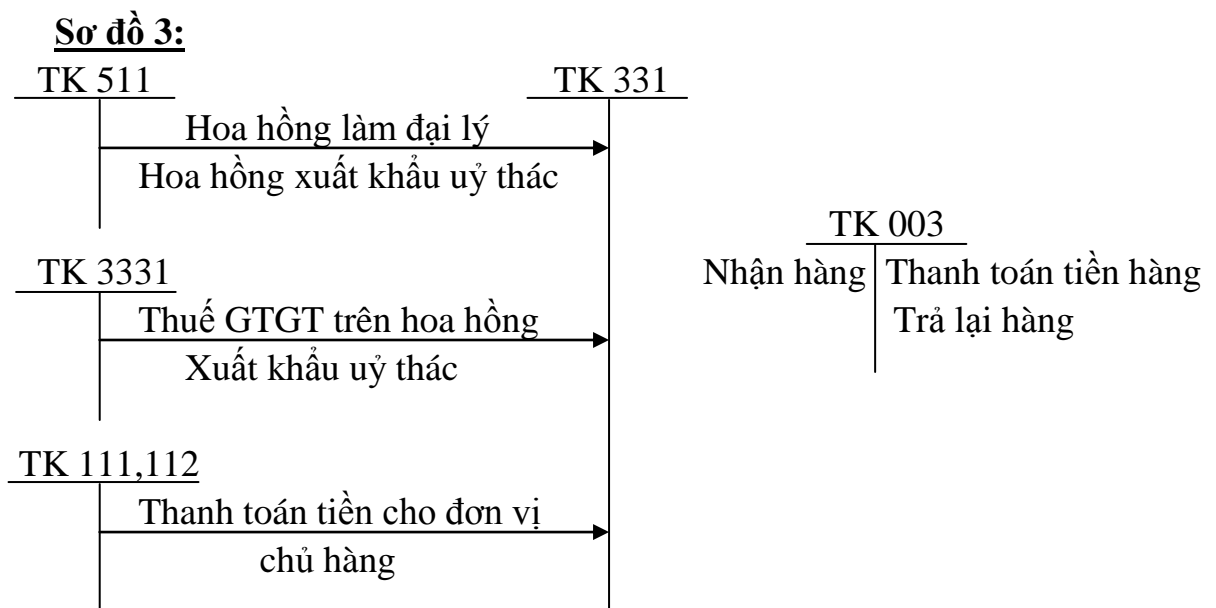
Sơ đồ 2:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

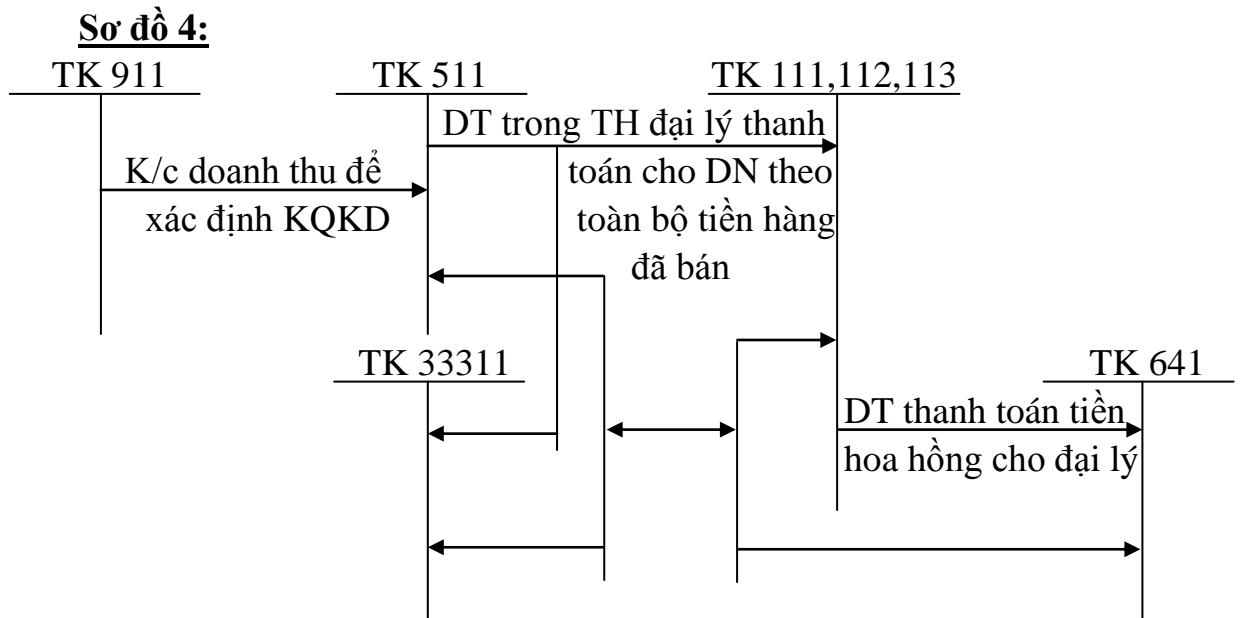
TH3: Bán hàng qua đại lý ký gửi hàng

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đại lý hoặc nhận xuất khẩu uỷ thác cho 1 doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp sẽ thu được doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng. Nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế GTGT các khoản doanh thu này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp tiến hành xuất khẩu uỷ thác cho doanh nghiệp khác thì số tiền hoa hồng được hưởng lại là đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Bên nhận uỷ thác sẽ được ghi nhận số thuế tính trên hoa hồng uỷ thác vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Khi nhận hàng của đơn vị giao cho đại lý, giao uỷ thác, kế toán ghi vào Nợ TK 003. Khi bán được hàng hoặc trả lại hàng cho doanh nghiệp uỷ thác thì kế toán ghi vào Có TK 003.

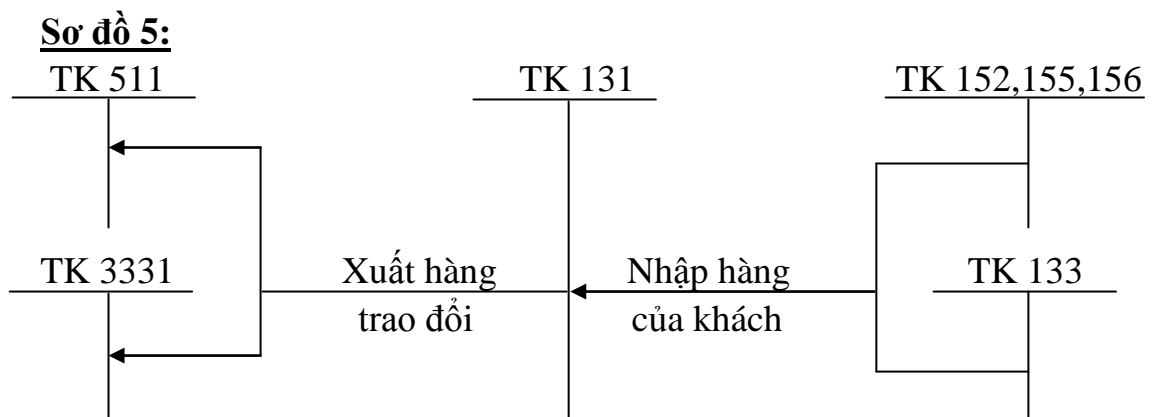


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TH4: Nếu doanh nghiệp bán hàng thông qua đại lý khi doanh nghiệp nhận tiền hàng do đơn vị đại lý thanh toán, doanh nghiệp cho đại lý gửi một khoản tiền hoa hồng và khoản tiền này sẽ được tính vào chi phí bán hàng (TK 6417)



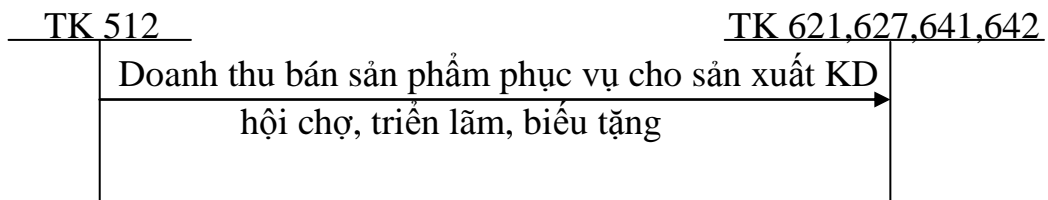
TH5: Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

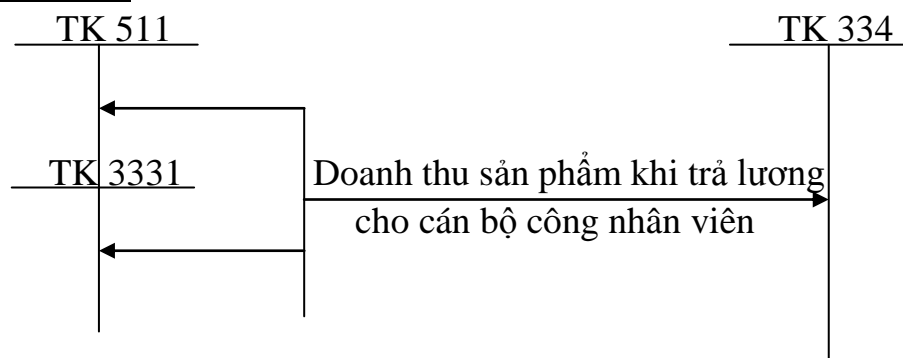
TH6: Trường hợp doanh nghiệp dùng hàng hoá, vật tư sử dụng nội bộ cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán xác định doanh thu của số hàng này tương ứng với chi phí sản xuất hoặc giá vốn hàng bán để ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Sơ đồ 6:



TH7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau.

Sơ đồ 7:



Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp.

1.4 KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.1.1 Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

* Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng

* Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên

1.4.1.2 Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán

Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

TK này phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán

Sơ đồ 8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Khi bán hàng của hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

1.4.2 Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

b. Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641

c. Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.4.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

b. Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

c. Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

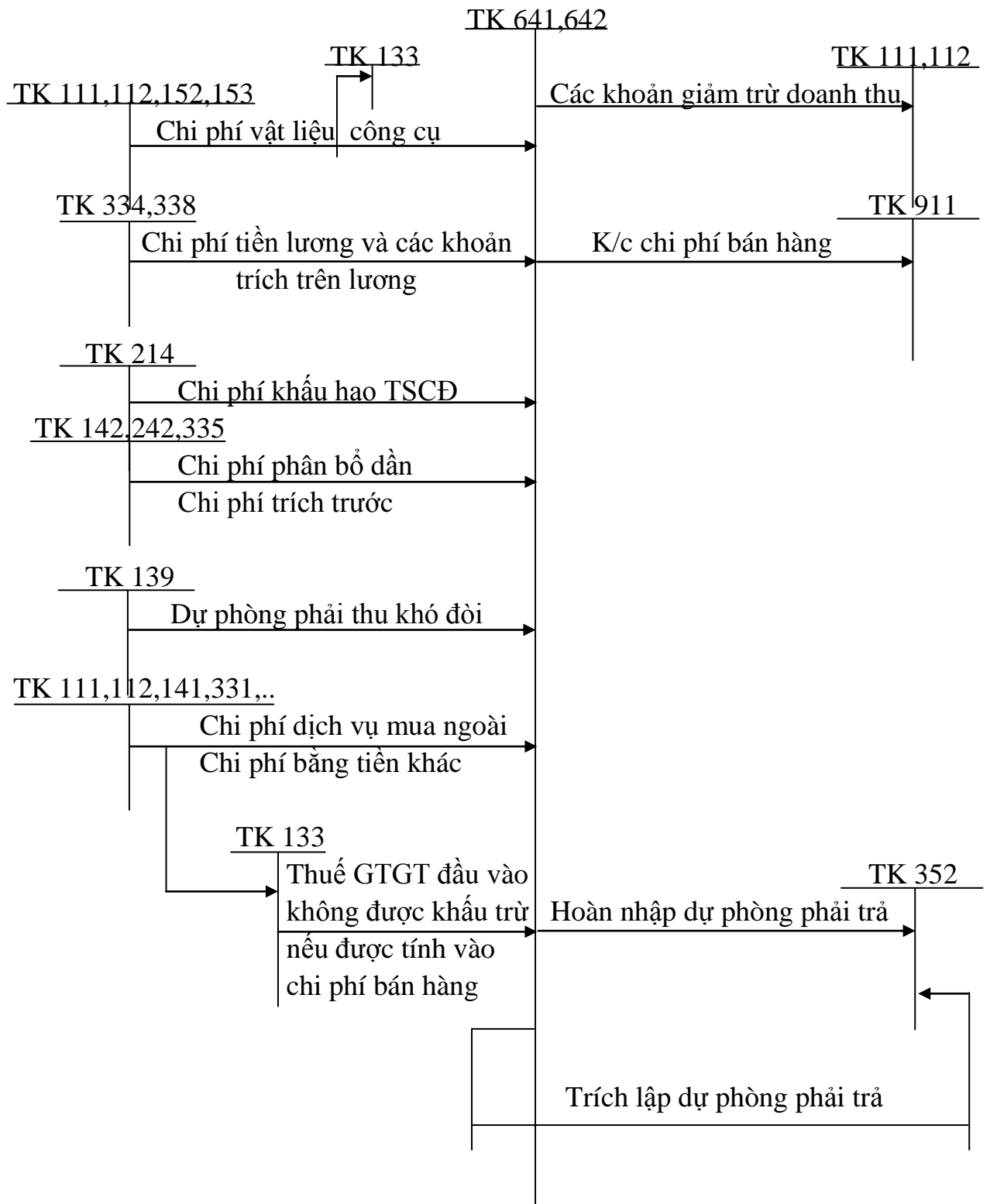
Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.5 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.5.1 Kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, kiểm định vị thế của mình trên thương trường kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ đưa hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

- Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính

- Kết quả bán hàng chính là kết quả hoạt động kinh doanh chính và được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần về bán hàng

- Lợi nhuận gộp là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán

- Lợi nhuận thuần về bán hàng được xác định là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tổng DT tiêu} \\ \text{thụ hàng hoá} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giảm giá hàng bán,} \\ \text{hàng bán bị trả lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thuế xuất khẩu,} \\ \text{thuế nhập khẩu} \end{array}$$

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và một số tài khoản khác

1.5.2 Nội dung, yêu cầu xác định kết quả kinh doanh

Nhận biết tầm quan trọng của việc xác định kết quả đòi hỏi kế toán xác định kết quả phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ đúng cho các đối tượng chịu chi phí

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thông qua việc ghi chép kế toán kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.5.2.1 Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

1.5.2.2 Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng: Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

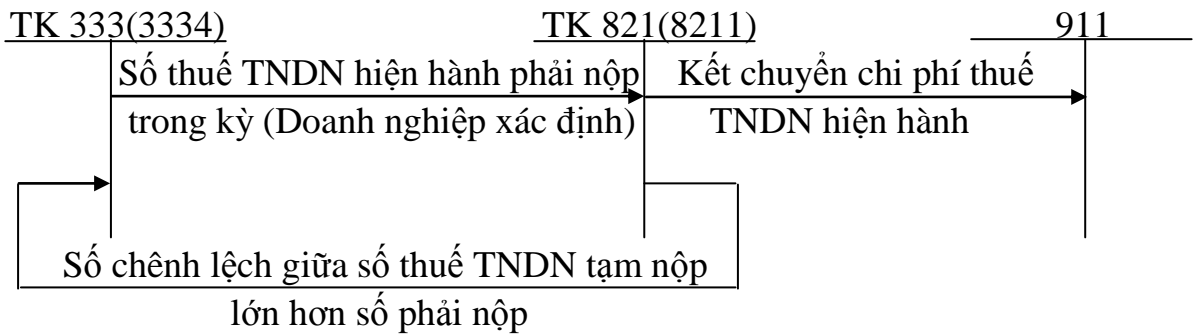
Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

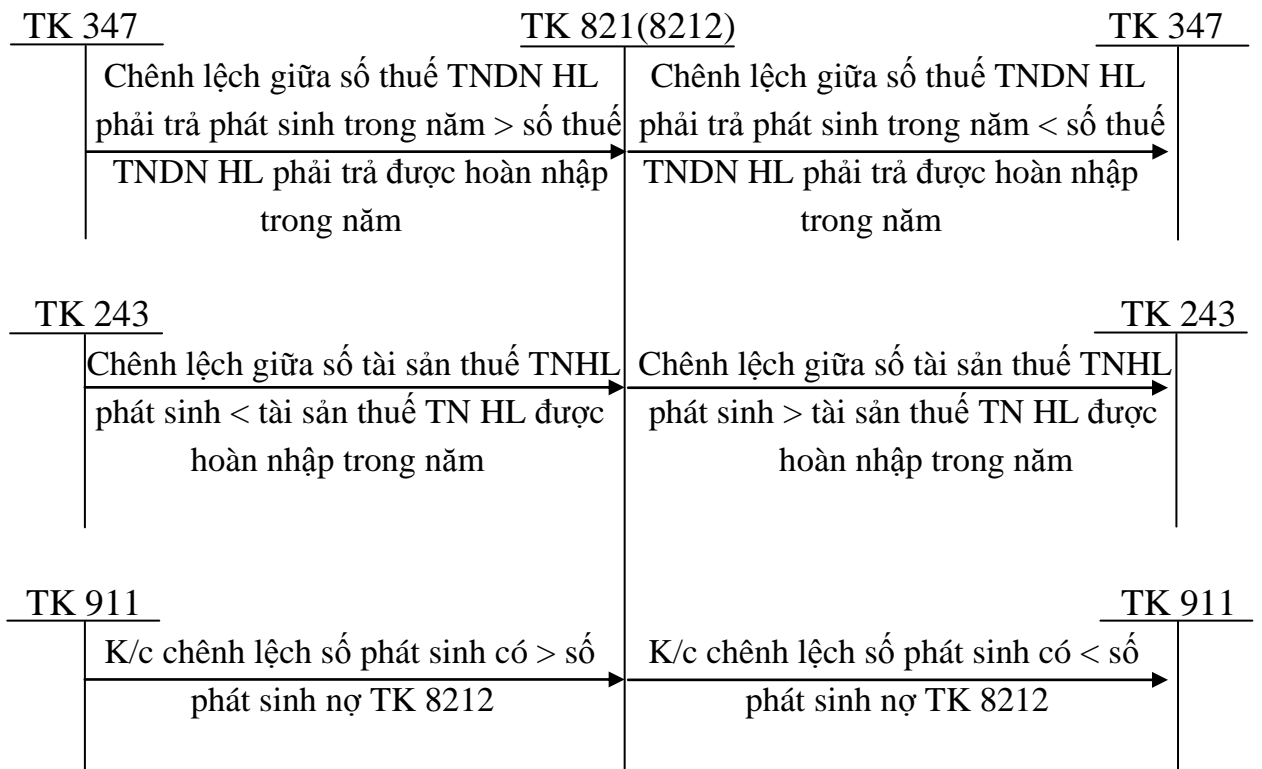
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

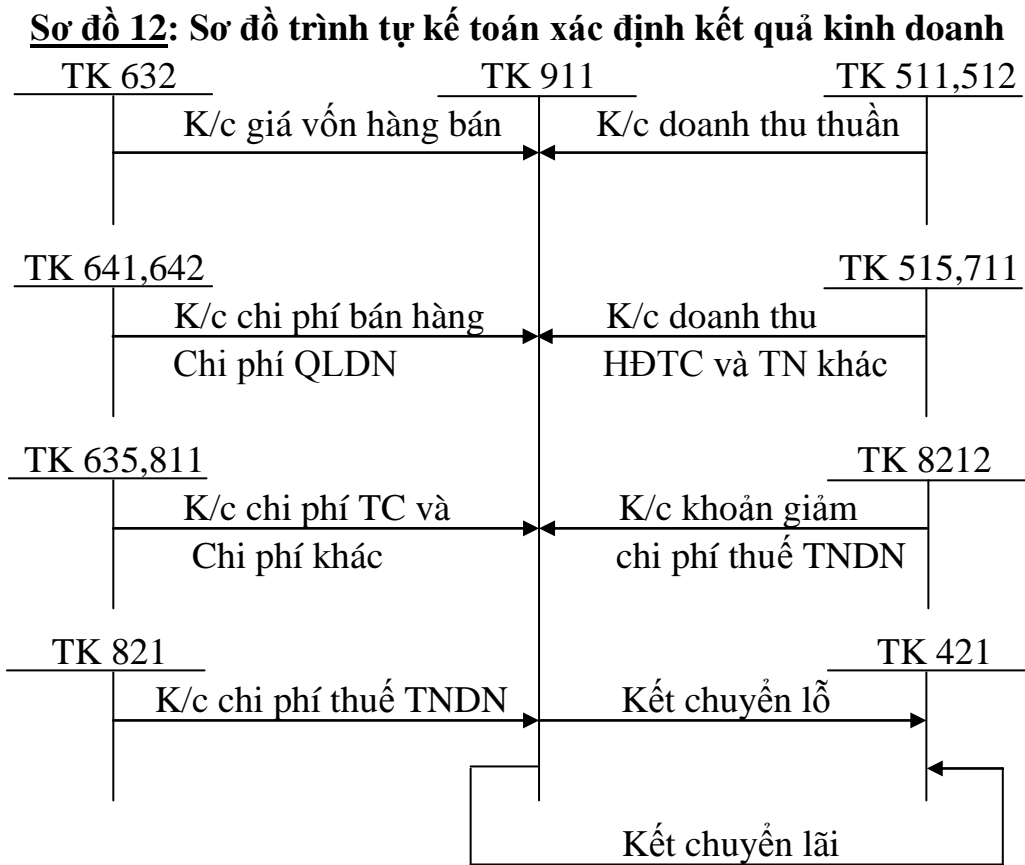
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 10: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TNDN)



Sơ đồ 11: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại





1.6 HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.6.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định

1.6.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán

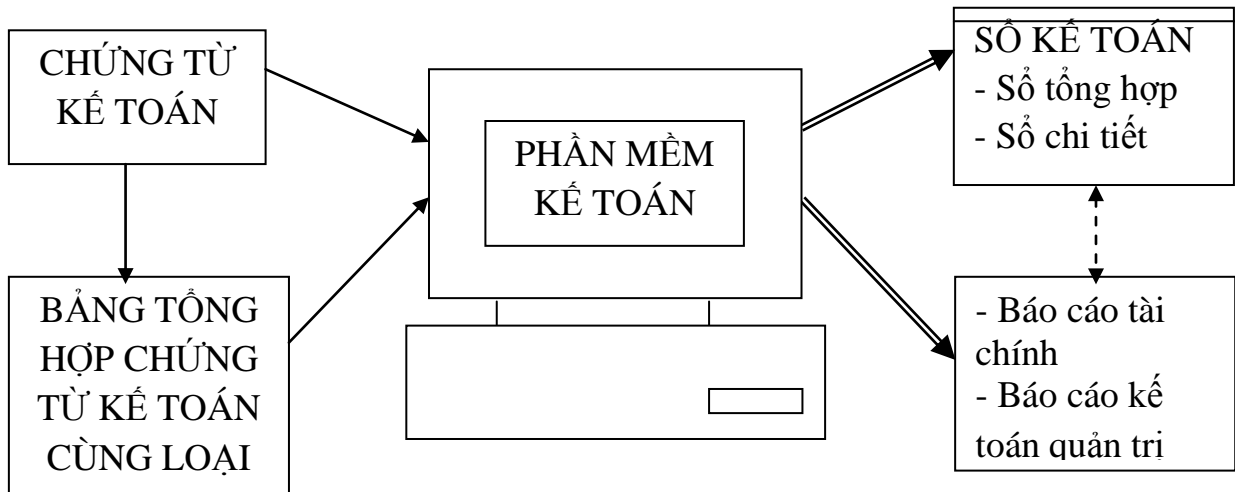
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thuyền và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:
**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG**

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.

Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương (Ocean Media., JSC) thuộc tập đoàn Đại Dương (Ocean Group) là một công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình, quảng cáo thương mại. Công ty hiện là đối tác độc quyền của Đài Truyền hình Cấp Việt Nam sản xuất kênh truyền hình Info TV(VCTV9) kênh truyền hình về kinh tế, tài chính đã phát sóng từ 06/03/2007 và đang xây dựng website www.infotv.vn thành một cổng thông tin điện tử với nhiều thông tin chứng khoán kinh tế được nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Tên giao dịch:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt Nam:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

OCEAN MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

OCEAN MEDIA.,JSC

Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Mã số thuế: 0102041453

Ngân hàng giao dịch: ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương

Số tài khoản: 8010263388853

Phạm vi hoạt động:

- Công ty hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hội đồng quản trị công ty quyết định việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện công ty trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Lĩnh vực sản xuất.

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;
- Tư vấn, lắp đặt hệ thống truyền thông, truyền hình và bưu chính viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình) ;
- Quảng cáo thương mại ;
- Tư vấn, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông và viễn thông ;
- Sản xuất các thiết bị phát thanh truyền hình và các thiết bị liên lạc vô tuyến (máy phát sóng, truyền hình cáp, liên lạc vệ tinh);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, truyền hình, truyền thông;
- Tổ chức đào tạo, nâng cao nghiệp vụ quảng cáo, truyền thông truyền hình;
- Dịch vụ đăng ký tên miền, dịch vụ hosting, lắp đặt mạng truyền thông, cung cấp các dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông;
- Tư vấn đầu tư trong lĩnh vực truyền thông, truyền hình;
- Cung cấp, hỗ trợ, xử lý, lưu trữ nội dung, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực truyền thông, truyền hình, quảng cáo (trừ những thông tin nhà nước cấm).

2.1.3. Cổ đông sáng lập và vốn điều lệ của công ty.

Cổ đông sáng lập

- Ngân hàng TMCP Đại Dương.
- Công ty TNHH VNT
- Ông Đoàn Văn An

- Bà Đào Thị Hồng Linh

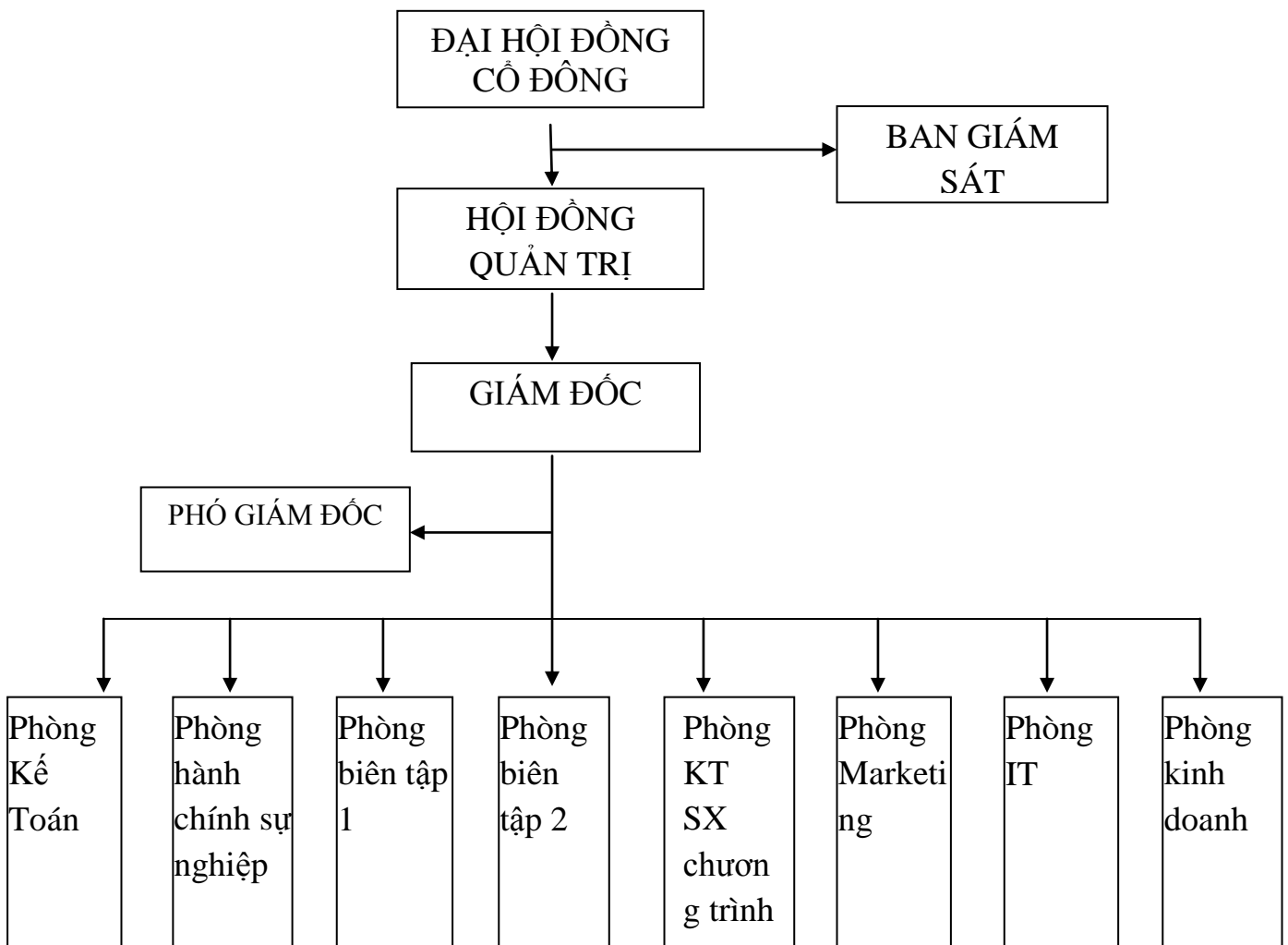
Vốn điều lệ của công ty là 20.000.000.000 đồng. Được chia thành 200.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng. Số cổ phần 3 cổ đông sáng lập đăng ký mua: 200.000 cổ phần chiếm 100% tổng vốn điều lệ. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty.

Công ty thuộc hình thức Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/11/2005 và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy công ty:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cơ quan quyết định cao nhất là Đại hội đồng Cổ đông công ty. Có các quyền sau:

- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán các tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu và miễn nhiệm. Có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

Hội đồng quản trị cử ra ban điều hành công ty gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quan trọng khác do Đại hội đồng cổ đông quy định

Giám đốc đứng đầu ban giám đốc công ty, là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc công ty. Đại diện cho công ty trước cơ quan nhà nước và tài phán khi được ủy quyền;

Phòng IT: Bao Quát và quản lý tất cả hệ thống mạng, máy tính. Đảm bảo hoạt động của hệ thống máy tính, web, Sử dụng ngôn ngữ máy tính để viết các chương

trình phục vụ cho công việc.

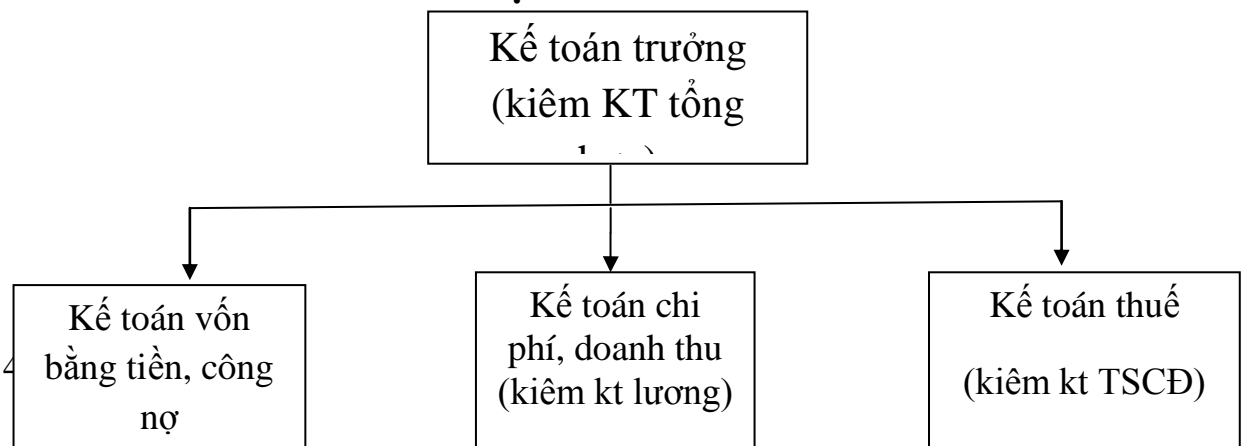
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.

• Tổ chức công tác kế toán : Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Phòng kế toán công ty bao gồm 4 người đảm nhiệm các phần hành khác nhau, thực hiện hạch toán kế toán hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở các bộ phận phòng ban để tổng hợp số liệu chung toàn công ty, lập báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của công ty.

- Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 2.2: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- Chức năng kế toán.

Kế toán trưởng: kiêm trưởng phòng kế toán. Tập hợp hoá đơn chứng từ ghi sổ kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho các kế toán viên. Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác kế toán, tài chính, giúp ban lãnh đạo công ty quản lý hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giao dịch với các cơ quan thuế, ngân hàng về các hoạt động tài chính của Công ty; chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị.

Kế toán vốn bằng tiền : theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trên quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng, các khoản nợ phải trả, phải đòi, khoản vay.

Kế toán chi phí, doanh thu (Kiêm kế toán tiền lương): theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ liên quan tới chi phí, giá vốn, tiêu thụ sản phẩm tại công ty. Chăm công và tính lương cho nhân viên trong công ty.

Kế toán thuế, kiêm kế toán tài sản cố định: tính thuế và nộp thuế định kỳ . Phải chịu trách nhiệm với các số liệu của mình đã đưa ra. Ghi chép, theo dõi các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định tại công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.6. Thành tích đạt được.

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	% theo quy mô chung		Chênh lệch	
				2010	2009	tăng/giảm	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1 843 813 696	1 580 857 523				
2	Các khoản giảm trừ						
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1 843 813 696	1 580 857 523	100.00	100.00	262 956 173	16.63
4	Giá vốn hàng bán	1 183 925 067	1 157 285 776	64.21	73.21	26 639 291	2.30
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	659 888 629	423 571 747	35.79	26.79	236 316 882	55.79
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1 571 929	1 616 593	0.09	0.10	(44 664)	(2.76)
7	Chi phí tài chính						
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	438 083 886	588 473 244	23.76	37.22	(150 389 358)	(25.56)
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	223 376 672	(163,284,904)	12.11	(10.33)	386 661 576	(236.80)
10	Thu nhập khác						
11	Chi phí khác						
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)						
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	223 376 672	(163,284,904)	12.11	(10.33)	386 661 576	(236.80)
14	Chi phí thuế TNDN						
15	Các khoản giảm trừ lợi nhuận						
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	223 376 672	(163,284,904)	12.11	(10.33)	386 661 576	(236.80)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phân tích theo chiều ngang ta thấy lợi nhuận sau thuế của năm 2010 là 223 376 672đ , tức là lãi 386 661 576đ so với năm 2009. Nguyên nhân lãi lớn như vậy là do:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 tăng là do chi phí quản lý doanh nghiệp lại giảm 150 389 358đ (tương ứng với 25.56%) so với năm 2009 và lãi gộp tăng 236 316 882đ tương ứng 55,79% so với năm 2009. Mặc dù doanh thu tài chính giảm 44 644đ (tương ứng 2.76%) tỷ lệ giảm này quá nhỏ so với mức tăng của Lãi gộp và mức giảm của chi phí trên.

- Tốc độ tăng của doanh thu (16,63%) lại tăng nhanh hơn tốc độ tăng của giá vốn (2,3%) vì thế mà đã làm tăng lãi thuần tương đối lớn. Cụ thể doanh thu bán hàng năm 2010 là 1 843 813 696đ , năm 2009 là 1 580 857 523đ Doanh thu đã tăng 262 956 173đ

- Do năm 2010 công ty vẫn giữ nguyên quy mô hoạt động nên chi phí lãi vay không phát sinh.

Đánh giá một cách tổng quát báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần truyền thông Đại Dương, ta khẳng định rằng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối khả quan. Lợi nhuận ngày càng tăng, doanh thu bán hàng tăng 262 956 173đ , doanh thu hoạt động tài chính giảm nhẹ 44 644đ, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 150 389 358đ , giá vốn tăng nhưng với mức độ nhẹ 26,639,291 đ vì vậy mà vẫn làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 386 661 576đ. Qua việc phân tích trên ta thấy doanh nghiệp nên tiếp tục phát huy khả năng điều hành, tổ chức kinh doanh như hiện nay. Đồng thời phải tìm cách khắc phục chỗ yếu kém của mình. Vì Công ty kinh doanh hàng hóa dịch vụ truyền thông nên công ty phải chú trọng việc thiết kế các sản phẩm mới lôi cuốn khách hàng mới nhiều hơn nữa và đảm bảo chữ tín với khách hàng quen thân.

2.1.7. Hình thức kế toán và niên độ kế toán doanh nghiệp áp dụng.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy Bravo.

Công ty áp dụng hình thức kế toán “ nhật ký chung”.

Hệ thống sổ kế toán Công ty gồm:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản : TK112, TK131, TK331, TK156
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ cái các tài khoản
- Sổ tổng hợp: TK131, TK331
- Bảng cân đối tài khoản
- Báo cáo tài chính

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam.

Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền theo tháng

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong khi năm phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Căn cứ vào hợp đồng, xác nhận chi phí phát sinh phải trả hàng tháng và phân bổ chi phí theo tháng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Thỏa mãn các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán số 18.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Tỷ giá thực tế, phần chênh lệch được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tương ứng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định trên phần giá trị công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp, dựa trên biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy BRAVO để thuận tiện cho việc kế toán cho máy vi tính. Đối với hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ vào dữ liệu cho máy thật đầy đủ và chính xác, còn thông tin đầu ra như Sổ chi tiết, Sổ cái và các Báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu khi cần in

Từ màn hình máy tính kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra:

Biểu số 1: Phần mềm kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán Bravo như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đã được mã hoá, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán

1) Thông tin đầu vào: Định kỳ kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng đối tượng được mã hoá, cài đặt trong phần mềm, đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy sẽ tự động vào sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào sổ cái các tài khoản có trong định khoản, bảng kê liên quan

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2) Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. Khi kế toán chọn bút toán kết chuyển đúng máy tính sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư Nợ (dư Có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên Có (bên Nợ) của tài khoản được kết chuyển

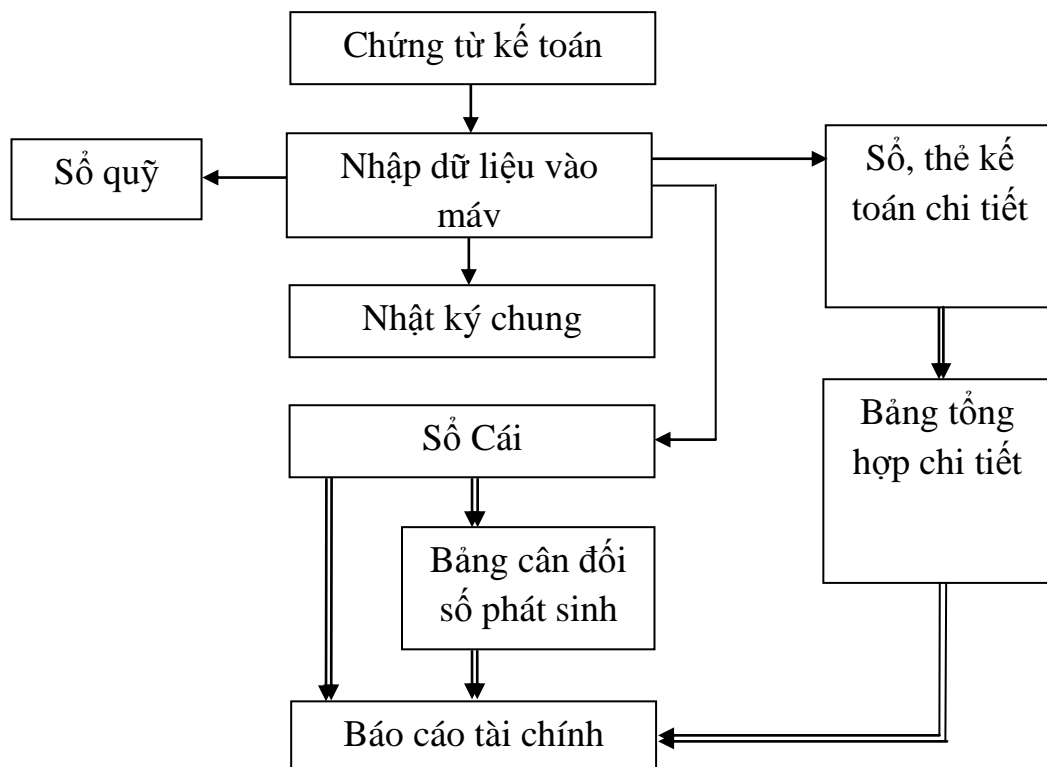
3) Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các Sổ chi tiết, Sổ cái bất cứ lúc nào các thông tin từ các nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động

4) Thông tin trên các Sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn từ các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động

Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào Sổ cái và Bảng tổng hợp liên quan để lập Bảng cân đối kế toán và các Báo cáo kế toán theo quy định chung

Trình tự luân chuyển chứng từ:

SƠ ĐỒ 2.3



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
⇒ : Ghi cuối tháng, cuối kỳ

Giải thích quy trình:

Kế toán nhận được các chứng từ hợp lệ sẽ nhập dữ liệu vào máy tính thông qua các phiếu sau:

- 1) Phiếu thu.
- 2) Phiếu chi.
- 3) Phiếu báo nợ.
- 4) Phiếu báo có.
- 5) Phiếu kế toán khác.

Khi nhập dữ liệu vào các phiếu trên thì máy sẽ tự động chạy vào các sổ kế toán trong kỳ (sổ chi tiết, sổ cái, nhật ký chung, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối số phát sinh, các bảng phân bổ...) và các báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

Nếu muốn lấy dữ liệu ra khỏi phần mềm thì chỉ cần vào mục mình muốn lấy dữ liệu và ấn F7 để in hoặc nhấn vào nút có hình biểu tượng chữ X phía trên màn hình để “kết xuất dữ liệu” ra bảng Excel.

2.2 THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.

Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ truyền thông, chuyển phát nhanh, truyền hình, quảng cáo trên truyền hình. Do công ty đang trong giai đoạn phát sóng thử nghiệm và bước đầu tìm hiểu, khai thác thị trường nên khách hàng chưa nhiều, doanh thu chưa cao.

Hiện tại mặt hàng chủ yếu mang lại doanh thu cho công ty là quảng cáo trên kênh truyền hình InforTV và VTVC9 trên truyền hình cáp. Trong đó kênh InforTV là kênh truyền hình thuộc quyền sở hữu của riêng Công ty, còn kênh VCTV9 là kênh truyền hình mà Công ty liên kết với Công ty khác cùng nhau tạo nên kênh VCTV9 và cùng hưởng lợi nhuận từ kênh VCTV9.

Công ty áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, với mức thuế suất 10% cho mọi mặt hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định trên phần giá trị công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp, dựa trên biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

Phương thức thanh toán:

Trong quá trình tiêu thụ, công ty đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đồng thời cũng là cách thu hút khách hàng của công ty.

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: hình thức này được áp dụng đối với những khách hàng thường xuyên mua hàng của Công ty và đã có uy tín với Công ty. Theo phương thức này thì Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn và đây cũng là một điểm hạn

chế trong khâu tiêu thụ và thanh toán của Công ty.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

Cách xây dựng giá vốn.

$$\text{Đơn giá bán} = \text{Giá vốn} + \text{Lãi định mức}$$

Giá vốn là giá bao gồm tất cả chi phí sản xuất ra sản phẩm, cộng chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí phải trả nhận viên, khấu hao TSCĐ. Hay giá vốn là giá gốc hàng bán cộng các chi phí liên quan khác mà công ty phải chịu cho đến khi lô hàng được giao hẳn cho người mua.

Lãi định mức là khoản lợi nhuận do công ty đặt ra. Khoản lãi định mức này tùy theo điều kiện của công ty, mà công ty ấn định mức lãi này sao cho phù hợp với giá cả thị trường. Mức lãi cao hay thấp là phụ thuộc quan nhà quản lý, mục tiêu của công ty.

Giá xuất bán sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối tháng. Kế toán vào mục “Báo cáo” ở màn hình giao diện chính sau đó vào mục “Giá vốn” hoặc vào trực tiếp phần “tính giá vốn” ở phía dưới màn hình giao diện phụ.

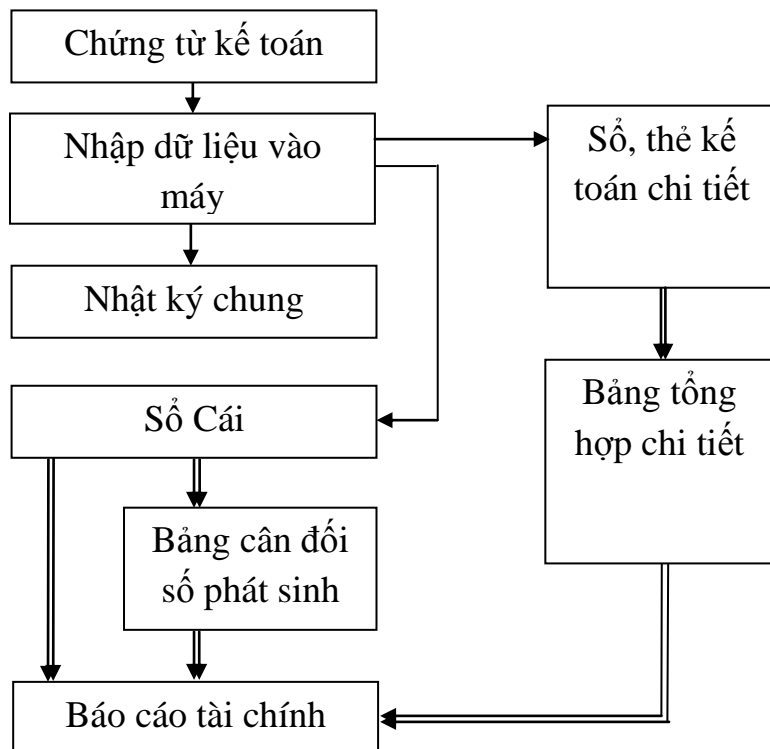
2.2.2. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.

- 1) *Doanh thu cung cấp dịch vụ* là mặt hàng chủ yếu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Đại Dương là tiền phí thu được từ dịch vụ Quảng cáo trên kênh truyền hình cáp InforTV và VCTV9.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định trên phần giá trị công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp, dựa trên biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- 2) *Tài khoản doanh thu cung cấp dịch vụ:*
- ✓ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
 - ✓ Tài khoản 51132 – Doanh thu cung cấp dịch vụ - Quảng Cáo.
 - ✓ Tài khoản 511322 – Doanh thu cung cấp dịch vụ - Quảng Cáo OMC.
- 3) *Chứng từ và sổ sách sử dụng:*
- ✓ Đơn đặt hàng.
 - ✓ Hợp đồng kinh tế.
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký phát sóng.
 - ✓ Hóa đơn GTGT.
 - ✓ Phiếu thu.
 - ✓ Giấy báo Có.
 - ✓ Sổ phụ.
 - ✓ Sổ chi tiết TK 511, 156, 632, 911.
 - ✓ Sổ cái TK 511.
 - ✓ Sổ nhật ký chung.
 - ✓ Bảng tổng hợp chi tiết.
- 4) *Quy trình luân chuyển chứng từ:*



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng, cuối kỳ.

Quy trình luân chuyển chứng từ:

Phòng kinh doanh và khách hàng cùng nhau lập đơn đặt hàng. Sau đó xuống bộ phận đăng ký phát sóng để đăng ký lịch phát sóng.

Bộ phận đăng ký phát sóng có nhiệm vụ lập Giấy chứng nhận phát sóng gồm 3 bản đưa xuống phòng biên tập 2 bản và giữ lại 1 bản.

Phòng biên tập lên lịch phát sóng nếu phát sóng được thì sẽ chuyển 1 bản Giấy chứng nhận phát sóng về phòng kế toán. Giấy chứng nhận này đã có xác nhận của bộ phận phát sóng.

Vào cuối tháng hoặc định kỳ theo hợp đồng đã ký Kế toán căn cứ vào giấy chứng nhận phát sóng để viết hóa đơn GTGT gồm 3 liên

Liên 1: lưu.

Liên 2: giao khách hàng.

Liên 3: nội bộ.

Tiếp theo kế toán tiến hành nhập nghiệp vụ này vào phần mềm kế toán để ghi nhận doanh thu thông qua phân hệ “Bán hàng – phải thu” ở bên trái màn hình dao diện chính:

- Mục hóa đơn bán hàng để nhập dữ liệu hóa đơn.
- Mục phiếu thu nếu khách hàng thanh toán tiền mặt.
- Mục Phiếu báo Có nếu khách hàng thanh toán bằng tiền gửi

Để nhập được các phiếu trên kế toán phải sử dụng các nút chức năng sau: : F2-Thêm, F3-Sửa, F7-In, F8-Xóa, F9-Lọc, Esc-Thoát.

Sau khi nhập xong nhấn “chập nhân” phía dưới, góc bên trái của màn hình đang hiển thị. Từ đây các dữ liệu vừa nhập sẽ được chạy vào các sổ sách và báo cáo tài chính của các tài khoản 156, TK511, TK632, TK111, TK112, TK131, TK333,

Ví Du 1:

Ngày 09/03/2010. Xuất HĐ GTGT số 015481 bán hàng hóa Quảng Cáo phát sóng chương trình gõ cửa chào xuân cho công ty cổ phần dây và cáp điện Thường Xuân. Giá bán chưa bao gồm thuế 10% là 13 636 364. Bán chưa thu tiền.

- Những chứng từ và sổ kế toán liên quan đến nghiệp vụ này là:
 - ✓ Hóa đơn GTGT đầu ra số 015481
 - ✓ Sổ nhật ký chung.
 - ✓ Sổ cái TK : 632, 511, 156, 642, 333, 131.
 - ✓ Sổ chi tiết bán hàng tài khoản 51112
 - ✓ Bảng tổng hợp chi tiết TK511 và tài khoản liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: GTKT-3LL
PM/2010B

Liên 1: lưu

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Số: 0015481

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG**

Địa chỉ : số 4 Láng Hạ - P.Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại : MS: 0102041453

Họ tên người mua hàng : Trương Mai Nga

Tên đơn vị : **CÔNG TY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỜNG XUÂN**

Địa chỉ :

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MS: 0103198609

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chương trình gỡ cửa chào xuân		01	13 636 364	13 636 364

Cộng tiền hàng 13 636 364

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT 1 363 636

Tổng cộng tiền thanh toán 15 000 000

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trương Mai Nga

Phan My Trang

Trần Thi Hạnh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 1

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương

Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản : 5111

Tên sản phẩm : Quảng Cáo

tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	SL	Đơn giá	Ps no	Ps co	Các khoản giảm trừ
.....		
3/9	HD	15481	phát sóng ch- ong trình "Gỗ cửa chào xuân"						
- -			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312	1	11 363 636		13 636 364	
3/31	TD		Kết chuyển doanh thu	911			1 099 108 620		
			Cộng phát sinh				1 099 108 620	1 099 108 620	
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ví dụ 2:

Ngày 09/03/2010. Xuất HĐ GTGT số 015482 bán hàng hóa phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị trường cho công ty dịch vụ Viên Thông. Giá bán chưa thuế 10% là 51 337 500. Chưa thanh toán.

Sổ sách, chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Giấy chứng nhận phát sóng.
- Hóa đơn GTGT 015482.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK : 632, 511, 333, 131.
- Sổ chi tiết bán hàng TK511322 và tài khoản liên quan.
- Bảng tổng hợp chi tiết TK511 và tài khoản liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: GTKT-3LL
PM/2010B

Liên 1: lưu

Ngày 09 tháng 03 năm 2010

Số: 0015482

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG**

Địa chỉ : số 4 Láng Hạ - P.Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại : MS: 0102041453

Họ tên người mua hàng : Trần Quang Sáng

Tên đơn vị : **CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Địa chỉ :

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán :

MS: 0102093763

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chương trình gõ cửa chào xuân		01	51 337 500	51 337 500

Cộng tiền hàng 51 337 500

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 5 133 750

Tổng cộng tiền thanh toán 56 471 250

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Trần Quang Sáng

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Phan My Trang

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
Trần Thị Hạnh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 2

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản : 5113

Tên sản phẩm : Cung Cấp Dịch Vụ

tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diện giai	Tai khoan	SL	Đơn giá	Ps no	Ps co	Các khoản giảm trừ
.....		
3/9/2010	HD	15482	Phí phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị tr- ờng						
- - ::			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312	1	35 000 500		51 337 500	
3/31/2010	TD		Kết chuyển doanh thu	911			739 646 894		
			Cộng phát sinh				739 646 894	739 646 894	
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 3

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương

Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP TK 511

Tháng 3 năm 2010

STT	Tk	Tên tài khoản	D Có đầu	Ps Nợ	Ps Có	D Nợ cuối	D Có cuối
1	5111	Doanh thu bán hàng hóa		1 099 108 620	1 099 108 620		
2	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ		739 646 894	739 646 894		
3	5118	Doanh thu khác		5 058 182	5 058 182		
		Cộng		1 843 813 696	1 843 813 696		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 4

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ CÁI TK 511

Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co
			D đầu tháng 3		-	-
.....	
3/9/2010	HD	015481	Phí sản xuất và phát sóng chương trình "Gỡ cửa chào xuân"			
- - ::			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312		13 636 364
3/9/2010	HD	015482	Phí phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị trường			
- - ::			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312		51 337 500
3/31/2010	HD	093155	Xuất thông Tết Nguyên Đán cho Nhân viên Công ty			
- - ::			Chi phí dịch vụ mua ngoài	64227		5 058 182
3/31/2010	TD		Kết chuyển doanh thu	911	1 843 813 696	
	- - ::		Số phát sinh trong tháng		1 843 813 696	1 843 813 696
			D cuối tháng 3		-	-

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 5

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương

Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Sổ nhật ký chung

Tháng 3 năm 2010

Ct	Ngày	So	Diễn giải	Stt dong	Tai khoan	Ps no	Ps co
...
HD	3/8/2010	0015480	Phí sản xuất và phát sóng chương trình "Gỗ cửa chào xuân"				
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	55	1312	13 636 364	
	- - ::		Doanh thu bán hàng hóa - Quảng cáo	56	51112		13 636 364
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	57	1312	1 363 636	
	- - ::		Thuế GTGT đầu ra	58	33311		1 363 636
...
HD	3/9/2010	0015482	Phí phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị trường				
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	89	1312	51 337 500	
	- - ::		Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo OMC	90	511322		51 337 500
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	91	1312	5 133 750	
	- - ::		Thuế GTGT đầu ra	92	33311		5 133 750
...
BC	3/25/2010	BC	OJB trả lãi				
	- - ::		Tiền Việt Nam - Ngân hàng TMCP Đại Đông chi nhánh Hà Nội	189	11213	385 300	
	- - ::		Thu lãi tiền gửi	190	5154		385 300
...
	- - ::		Tổng cộng			20 834 582 754	20 834 582 754

2.2.3. Doanh thu từ hoạt động tài chính.

- 1) *Doanh thu hoạt động tài chính* của Công ty Cổ phần Đại Dương chủ yếu là từ lãi tiền gửi ngân hàng.
- 2) *Tài khoản doanh thu hoạt động tài chính:*
 - ✓ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
 - ✓ Tài khoản 5154 – Thu lãi tiền gửi ngân hàng.
- 3) *Sổ sách và chứng từ sử dụng:*
 - ✓ Sổ phụ ngân hàng.
 - ✓ Giấy báo Có.
 - ✓ Sổ chi tiết tài khoản 5154, 1121.
 - ✓ Sổ cái tài khoản 515, 112.
 - ✓ Sổ nhật ký chung.
 - ✓ Bảng tổng hợp.
- 4) *Quy trình hạch toán:*

Vào các ngày cuối tháng ngân hàng sẽ tính lãi tiền gửi của công ty vào tài khoản thông báo qua sổ phụ. Mỗi Ngân hàng sẽ tính lãi vào các ngày khác nhau hàng tháng:

- Ngày 25 – Ngân hàng cổ phần thương mại truyền thông Đại Dương
- Ngày 25 – Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.
- Ngày 28 – Ngân hàng Phương Nam.

Kế toán căn cứ vào sổ phụ sẽ hạch toán nghiệp vụ vào phần mềm máy tính thông qua “phiếu báo Có” trong phân hệ “Vốn bằng tiền” với các phím chức năng sau: F2-Thêm, F3-Sửa, F7-In, F8-Xóa, F9-Lọc, Esc-Thoát.

Sau khi nhập dữ liệu xong nhấn “chấp nhận” và phần mềm sẽ tự động chạy các dữ liệu vừa nhập vào sổ chi tiết, sổ cái, bảng tổng hợp tài khoản 515 và tài khoản 112, bảng cân đối số phát sinh, các báo cáo tài chính.

Ví dụ 3:

Ngày 25/03/2010. Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Nội thông báo lãi tiền gửi nhập vào tiền gốc là 385 300 VND.

Những sổ sách, chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Giấy Báo Có, Sổ phụ.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK : 5154, 11213
- Sổ chi tiết các tài khoản liên quan
- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

OCEANBANK
NGÂN HÀNG ĐẠI DƯƠNG

Mã GDV: CEAN
Mã KH: 0236
Số GD: 325

GIẤY BÁO CỐ
Ngày: 25/03/2010

Kính gửi: CÔNG TY TRUYỀN THÔNG ĐẠI LỢI

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CỐ : 8010263388853

Số tiền bằng số: : 385 300

Số tiền bằng chữ : Ba trăm tám mươi năm nghìn ba trăm đồng chẵn.

Nội dung: OJB trả lãi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 6
 Công ty Cổ phần Truyền thông
 Đại Dương
 Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515 Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co
.....	
3/8/2010	HD	0015480	Phí sản xuất và phát sóng chương trình "Gỗ cửa chào xuân"			
- - ::			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312		13 636 364
3/9/2010	HD	0015482	Phí phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị trường			
- - ::			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312		51 337 500
.....	
3/25/2010	BC	325	OJB trả lãi			
- - ::			Tiền Việt Nam - Ngân hàng TMCP Đại Đông chi nhánh Hà Nội	11213		385 300
.....	
3/31/2010	TD	61	Kết chuyển Thu nhập hoạt động tài chính 515 → 911	911	1 571 929	
- - ::			Tổng cộng		20 834 582 754	20 834 582 754

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 7

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

Sổ nhật ký chung
Tháng 3 năm 2010

Ct	Ngày	Số	Diện giai	Stt dong	Tai khoan	Ps no	Ps co
...
HD	3/8/2010	0015480	Phí sản xuất và phát sóng chương trình "Gỗ cửa chào xuân"				
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	55	1312	13 636 364	
	- - ::		Doanh thu bán hàng hóa - Quảng cáo	56	51112		13 636 364
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	57	1312	1 363 636	
	- - ::		Thuế GTGT đầu ra	58	33311		1 363 636
...
HD	3/9/2010	0015482	Phí phát sóng chạy Popup động 5 giây trong chương trình thông tin thị trường				
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	89	1312	51 337 500	
	- - ::		Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo OMC	90	511322		51 337 500
	- - ::		Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	91	1312	5 133 750	
	- - ::		Thuế GTGT đầu ra	92	33311		5 133 750
...
BC	3/25/2010	BC	OJB trả lãi				
	- - ::		Tiền Việt Nam - Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Nội	189	11213	385 300	
	- - ::		Thu lãi tiền gửi	190	5154		385 300
...
	- - ::		Tổng cộng			20 834 582 754	20 834 582 754

2.2.4. Kế toán Giá vốn hàng bán.

1) *Phương thức xác định giá vốn:* giá vốn là giá bao gồm tất cả chi phí sản xuất ra sản phẩm, cộng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Hay giá vốn là giá gốc hàng bán cộng các chi phí liên quan khác mà công ty phải chịu cho đến khi lô hàng được giao hẳn cho người mua.

2) *Phương pháp hạch toán:*

Công ty cổ phần truyền thông khi bán hàng thay vì viết phiếu xuất kho thì Công ty phải viết Giấy chứng nhận phát sóng gồm 3 bản (1 lưu tại Bộ phận đăng ký phát sóng, 2 giao khách hàng, 3 chuyển cho kế toán ghi sổ).

Khi kế toán nhận được giấy chứng nhận phát sóng vào cuối tháng kế toán tiến hành tính giá vốn hàng bán bao gồm:

- ✓ Lương và các khoản trích theo lương.
- ✓ Các chi phí trích trước phân bổ trong tháng (phí cung cấp thông tin, chi phí phát sóng, chi phí thuê tuyến cáp quang Đài HN, ...)
- ✓ Chi phí khác (chi phí sản xuất chương trình, ..)
- ✓ Hàng hóa thưởng Tết Nguyên Đán.

3) *Tài khoản giá vốn hàng bán:*

- ✓ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.
- ✓ Tài khoản 6321 – Giá vốn hàng bán của hàng hóa
- ✓ Tài khoản 63212 – Giá vốn hàng bán của hàng hóa – Quảng cáo.
- ✓ Tài khoản 63213 – Giá vốn hàng bán của hàng hóa – Quảng cáo OMC.
- ✓ Tài khoản 63218 – Giá vốn hàng bán của hàng hóa – khác.

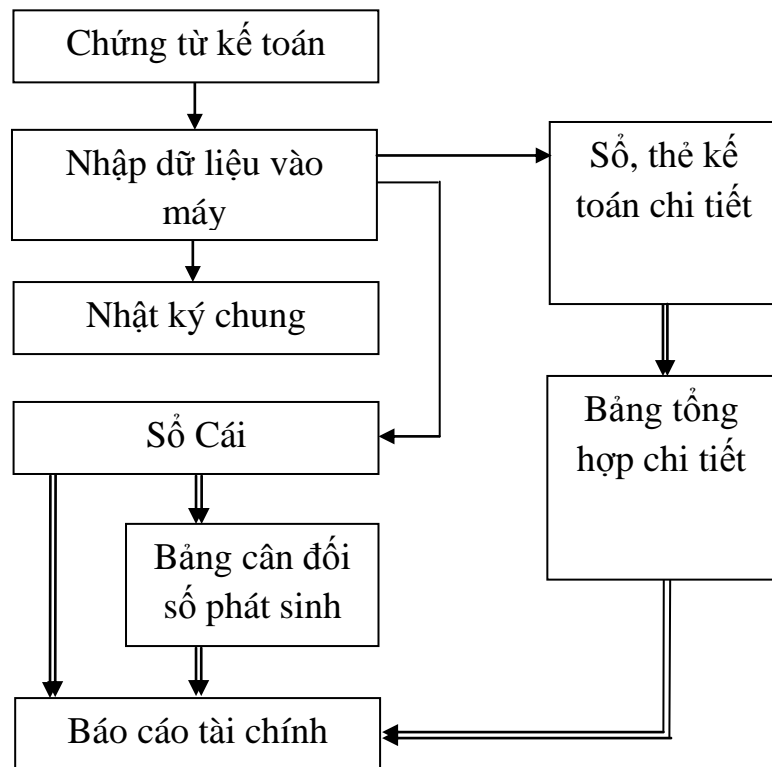
4) *Chứng từ và sổ sách sử dụng:*

- ✓ Giấy chứng nhận phát sóng.
- ✓ Bảng đăng ký phát sóng.
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng.
- ✓ Hợp đồng kinh tế.
- ✓ Biên bản thanh lý hợp đồng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ Bảng phân bổ chi phí trích trước
- ✓ Bảng phân bổ chi phí khấu hao.
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- ✓ Phiếu kế toán.
- ✓ Sổ nhật ký chung.
- ✓ Sổ chi tiết giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan.
- ✓ Sổ cái TK632, TK142.
- ✓ Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan.

5) Quy trình luân chuyển chứng từ:



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
⇒ : Ghi cuối tháng, cuối kỳ.

Quy trình luân chuyển chứng từ:

Dựa vào các chứng từ kế toán hợp lệ kế toán sẽ phản ánh các nghiệp vụ về giá vốn hàng bán vào phần mềm kế toán trên máy tính để theo dõi, quản lý, phân bổ giá vốn hàng bán vào mỗi tháng một cách hợp lý.

Khi ở màn hình chính của phần mềm máy tính kê toán vào phân hệ “Hàng tồn kho” sau đó vào “Tính giá vốn hàng xuất” sẽ xuất hiện bảng nhỏ và đánh tháng cần tính giá vốn vào và ấn “chấp nhận” máy tính sẽ tự tính giá vốn hàng xuất cho tháng đó.

Ví dụ 2.2.4.

Ngày 31/3/2010. Phân bổ chi phí thuê tuyến cáp quang đài truyền hình Hà Nội vào giá vốn hàng bán tháng 03. Số tiền phân bổ trong tháng là 8 181 818 đồng.

Những chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan
- Sổ cái TK632, TK142
- Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán và các tài khoản liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 8

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 01 tháng 03 năm 2010

số 3010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Phân bổ chi phí thuê tuyến cáp quang đài chuyên hình HN tháng 3	632		8,181,818	63213		8,181,818
		142		8,181,818	1429		8,181,818
....
	Tổng cộng						16,363,636

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 9

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 63213

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán của hàng hóa - Quảng cáo OMC

Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co	D cuối
			D đầu tháng 3				
31/1/2010	PK	3010	Phân bổ chi phí thuê tuyến cáp quang đài chuyển hình HN tháng 3				
- - ::			Chi phí khác	1429	8,181,818		218,489,790
.....	
			Số phát sinh		352,983,409	352,983,409	
			D cuối tháng 3				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 10

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Giá Vốn Hàng Bán

Số hiệu : 632

Tháng 3 năm 2010

STT	TK	Tên tài khoản	D Nợ đầu	D Có đầu	Ps Nợ	Ps Có	D Nợ cuối	D Có cuối
1	63212	Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Quảng cáo			825 883 476	825 883 476		
2	63213	Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Quảng cáo OMC			352 983 409	352 983 409		
3	63218	Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Khác			5 058 182	5 058 182		
		Cộng			1 183 925 067	1 183 925 067		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 11

Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 3 năm 2010

Ct	Ngày	So	Diễn giải	Stt dong	Tai khoan	Ps no	Ps co
...
PK	31/1/2010	3010	Phân bổ chi phí thuê tuyến cáp quang dài chuyển hình HN tháng 3				
			Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Quảng cáo OMC	335	63213	8 181 818	
			Chi phí khác	336	1429		8 181 818
...
	- - ::		Tổng cộng			20 834 582 754	20 834 582 754

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 12

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co
			D đầu tháng 3			
.....
3/1/2010	PK	3001	Phân bổ chi phí thuê tuyến cáp quang dài chuyên hình HN tháng 3			
- - ::			Chi phí khác	1429	8,181,818	
.....
			Số phát sinh			
			D cuối tháng 3			

2.2.5. Kế toán quản lý doanh nghiệp.

1. *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí nhân viên quản lý là các khoản tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý. Tiền lương (hay tiền công) là số tiền thù lao phải trả cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động mà họ đóng góp để tái sản xuất sức lao động bù đắp hao phí lao động của họ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Ngoài chi phí tiền lương cho cán bộ quản lý còn có các chi phí khác như chi phí khấu hao tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định bị hao mòn dần, phần giá trị hao mòn đó được chuyển vào giá trị sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành dưới hình thức trích khấu hao tài sản cố định nhằm thu hồi vốn đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định để tái sản xuất tài sản cố định

Hiện nay Công ty cổ phần truyền thông Đại Dương tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} = \text{Nguyên giá} * \text{Tỷ lệ KH}$$

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} * \text{Giá trị hao mòn lũy kế}$$

Căn cứ vào thời gian tối thiểu và tối đa sử dụng TSCĐ, công ty tiến hành lập sổ tài sản. Hàng tháng kế toán căn cứ vào khấu hao (được phản ánh trên sổ tài sản) để vào sổ chi tiết tài khoản 642.

Về các chi phí dịch vụ mua ngoài được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi phí đặt báo...

2. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng.
- ✓ Phiếu chi.
- ✓ Ủy nhiệm chi.
- ✓ Giấy báo Nợ.
- ✓ Sổ phụ.
- ✓ Tờ trình mua tài sản cố định phục vụ văn phòng.
- ✓ Sổ chi tiết tài khoản 642, 331, 112
- ✓ Sổ cái tài khoản 642, 111, 112, 331
- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Bảng tổng hợp chi tiết 642, 331, 112

3. Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp sử dụng.

- ✓ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- ✓ Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- ✓ Tài khoản 64221 – Chi phí nhân viên quản lý.
- ✓ Tài khoản 64223 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
- ✓ Tài khoản 64224 – Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- ✓ Tài khoản 64228 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- ✓ Tài khoản 64228 – Chi phí bằng tiền khác.

Ví dụ 5:

Ngày 01/03/2010. Thanh toán tiền điện tháng 2 và tiền gửi xe tháng 3. Tổng tiền chưa bao gồm thuế GTGT 10% là: 10,893,752 đồng.

Những chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng:

- Hóa đơn GTGT số: 018768
- Phiếu kế toán số 3004.
- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK214, TK642, ...
- Sổ chi tiết tài khoản 64228 và các tài khoản liên quan.
- Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 642 và các tài khoản liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: GTKT-3LL
QM/2010B

Liên 2: giao khách hàng

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Số: 018768

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC**

Địa chỉ :

Điện thoại : MS: 0100763456

Họ tên người mua hàng : Trần Khánh My

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG**

Địa chỉ : số 4 Láng Hạ - P.Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán :

MS: 0102041453

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tiền điện và phí gửi xe nhân viên				10,893,752

Cộng tiền hàng 10,893,752

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT 1,089,375

Tổng cộng tiền thanh toán 11,983,127

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trần khánh My

Nguyễn Thu Trang

Trần Thi Kim

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 13

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

số 3004

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tiền điện và phí gửi xe nhân viên	642		10,893,752	64228		10,893,752
		133		1,089,375	1331		1,089,375
		331		11,983,127	33182		11,983,127
	Tổng cộng			23,966,254			23,966,254

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 14

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 64228

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền khác
Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co	D cuối
			D đầu tháng 3				
31/1/2010	PK	3004	Tiền điện và phí gửi xe nhân viên				
- - ::			Chi phí bằng tiền khác	33182	10,893,752		214,629,700
.....	
			Số phát sinh		130 708 379	130 708 379	
			D cuối tháng 3				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 15

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Tháng 3 năm 2010

STT	TK	Tên tài khoản	D Nợ đầu	D Có đầu	Ps Nợ	Ps Có	D Nợ cuối	D Có cuối
1	64221	Chi phí nhân viên quản lý			130 747 200	130 747 200		
2	64223	Chi phí đồ dùng văn phòng			47 688 986	47 688 986		
3	64224	Chi phí khấu hao TSCĐ			25 603 668	25 603 668		
4	64227	Chi phí dịch vụ mua ngoài			103 335 653	103 335 653		
5	64228	Chi phí bằng tiền khác			130 708 379	130 708 379		
		Cộng			438 083 886	438 083 886		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 16

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG
SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diễn giải	Tai khoản	Ps no	Ps co
			D đầu tháng 3			
.....
3/1/2010	PK	3004	Tiền điện và phí gửi xe nhân viên			
- - ::			Chi phí bằng tiền khác	33182	10,893,752	
.....
			Số phát sinh		438 083 886	438 083 886
			D cuối tháng 3			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 17

Công ty Cổ phần Truyền Thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Sổ nhật ký chung
Tháng 3 năm 2010

Ct	Ngày	So	Diễn giải	Stt dong	Tai khoan	Ps no	Ps co
PK	3/1/2010	PK3003	Phí kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2009				
	- - ::		Chi phí dịch vụ mua ngoài	11	64227	18 181 818	
	- - ::		Phải trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	12	33182		18 181 818
	- - ::		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	13	1331	1 818 182	
	- - ::		Phải trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	14	33182		1 818 182
...
BN	3/9/2010	BN	Phí chuyển tiền 234.375.000				
	- - ::		Chi phí dịch vụ mua ngoài	69	64227	51 563	
	- - ::		Tiền Việt Nam - Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Nội	70	11213		51 563
...
	- - ::		Tổng cộng			20 834 582 754	20 834 582 754

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Trong công ty Cổ phần truyền thông Đại Dương kết quả kinh doanh của công ty được tổng hợp từ doanh thu thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và các chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh vào cuối năm và được theo dõi trên tài khoản 911. Cuối năm kế toán tổng hợp tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

1. Cách xác định kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán - Chi phí QLDN
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp

Do công ty áp dụng phần mềm kế toán nên có thể kết chuyển doanh thu tạm thời vào cuối tháng như sau:

Mở phần mềm kế toán từ phân hệ “Kế toán tổng hợp” sau đó vào “Bút toán khóa sổ”, Nhấn phím F10 trên bàn phím sẽ hiện ra một bảng biểu và chọn khoảng thời gian cân khóa sổ, chọn xong nhấn “chấp nhận”.

Để kiểm tra xem phần mềm đã kết chuyển hay chưa thì vào chứng từ tự động trong phân hệ “Kế toán tổng hợp”.

2. *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- ✓ Phiếu kế toán tự động.
- ✓ Sổ tổng hợp chi tiết, sổ cái TK 511, TK 635, TK 515,...
- ✓ Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.
- ✓ Bảng cân đối kế toán.
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- ✓ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tài khoản:

- ✓ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- ✓ Tài khoản 9111 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tài khoản 9112 – Kết quả hoạt động tài chính.
- ✓ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.
- ✓ Tài khoản 4211 – Lợi nhuận năm trước.
- ✓ Tài khoản 4212 – Lợi nhuận năm nay.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 18

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG

SỐ 4 LÁNG HẠ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

số 3004

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu	51112		1,086,608,620	51112		1,086,608,620
		51118		12,500,000	51118		12,500,000
		511322		739,646,894	511322		739,646,894
		5118		5,058,182	5118		5,058,182
			911	1,843,818,696		911	1,843,818,696
	Tổng cộng			3,687,627,392			3,687,627,392

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bảng số 19

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 3 năm 2010

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Stt đong	Tai khoan	Ps no	Ps co
...
TD	3/31/2010	58	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111				
	- - ::		Doanh thu khác	415	5118	5 058 182	
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	416	9111		5 058 182
	- - ::		Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo OMC	417	511322	739 646 894	
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	418	9111		739 646 894
	- - ::		Doanh thu bán hàng hóa - Khác	419	51118	12 500 000	
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	420	9111		12 500 000
	- - ::		Doanh thu bán hàng hóa - Quảng cáo	421	51112	1 086 608 620	
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	422	9111		1 086 608 620
TD	3/31/2010	60	Kết chuyển giá vốn 632 --> 9111				
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	423	9111	5 058 182	
	- - ::		Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Khác	424	63218		5 058 182
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	425	9111	352 983 409	
	- - ::		Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Quảng cáo OMC	426	63213		352 983 409
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	427	9111	825 883 476	
	- - ::		Giá vốn hàng bán của hàng hoá - Quảng cáo	428	63212		825 883 476
TD	3/31/2010	98	Kết chuyển lãi lỗ 911 --> 4212				
	- - ::		Kết quả hoạt động tài chính	441	9112	1 571 929	
	- - ::		Lợi nhuận năm nay	442	4212		1 571 929
	- - ::		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	443	9111	221 804 743	
	- - ::		Lợi nhuận năm nay	444	4212		221 804 743
...
	- - ::		Tổng cộng			20 834 582 754	20 834 582 754

CHƯƠNG 3:

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.**

**3.1. Đánh giá chung về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác
định kết quả kinh doanh.**

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh.

Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đơn đốc thu hồi công nợ và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng.

Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy nên lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Công ty cũng đã trang bị cho phòng kế toán hiện đại, công việc kế toán được vi tính hoá. Các phần hành kế toán được bố trí, sắp xếp khoa học, hợp lý tạo điều kiện cho các bộ phận phối hợp với nhau để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách nhanh chóng, cung cấp được thông tin kế toán phục vụ cho yêu cầu quản lý của công ty

- Về chứng từ kế toán: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống, tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2, 3 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất

- Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy

- Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học, hợp lý giúp cho việc hạch toán quá trình bán hàng được sắp xếp, phân loại, bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán. Các trường hợp đáng tiếc như mất chứng từ gốc không xảy ra vì mọi chứng từ đã được nhập vào máy vi tính để bảo quản

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định

3.1.2: Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

- Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc chuyển chứng từ để xác định doanh thu thường là về vào những ngày cuối kỳ nên công tác hạch toán giá vốn và doanh thu dồn về vào cuối kỳ gây nên sự quá tải công việc dễ gây nhầm lẫn và thiếu sót. Trong khi đó kế toán doanh thu kiêm luôn kế toán tiền lương cũng làm vào cuối tháng làm cho công việc của kế toán doanh thu càng nhiều hơn.

- Về hệ thống tài khoản: kế toán tạo tài khoản rất chi tiết nhưng ở phần tài khoản doanh thu làm cho người đọc hiểu lầm. Công ty chỉ có hàng hóa dịch vụ nhưng khi nhìn vào bảng cân đối số phát sinh lại có cả doanh thu bán hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ. Thực chất doanh thu bán hàng hóa mà kế toán tạo ra đó là doanh thu cung cấp dịch vụ cho các khách lẻ không có hợp đồng. Sai phạm này không ảnh hưởng lớn đến kết quả báo cáo tài chính. Nó chỉ làm thay đổi hệ thống tài khoản chi tiết từ bậc 2. Kế toán làm sai như sau:

- ✓ Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng.
- ✓ Tài khoản 51112 : Doanh thu bán hàng – Quảng cáo.
- ✓ Tài khoản 51118 : Doanh thu bán hàng khác.
- ✓ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- ✓ Tài khoản 51132: Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo.
- ✓ Tài khoản 511322: Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo OMC.
- ✓ Tài khoản 5118: Doanh thu khác.

Ví Du 1:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngày 09/03/2010. Xuất HĐ GTGT số 015481 bán hàng hóa Quảng Cáo phát sóng chương trình gõ cửa chào xuân cho công ty cổ phần dây và cáp điện Thường Xuân. Giá bán chưa bao gồm thuế 10% là 13 636 364. Bán chưa thu tiền.

Định khoản

Nợ TK131	15 000 000
Có TK51112	13 636 364
Có TK3331	1 363 636

Sổ sách được nhập vào như Ví dụ 1 về doanh thu ở trên

- Về quản lý chi phí: Tổng chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp thì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm một tỷ lệ tương đối lớn và có vai trò quan trọng thúc đẩy quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Tuy nhiên khi phát sinh chi phí liên quan tới chi phí bán hàng thì Kế toán lại cho hết vào chi phí quản lý doanh nghiệp và hoạch toán trên tài khoản 642. Vì vậy mà công ty không mở tài khoản chi phí bán hàng làm cho công việc theo dõi chi phí của doanh nghiệp khó khăn hơn. Nhìn vào sổ sách ta không thể biết chi phí cho khâu phục vụ công tác cung cấp dịch vụ là bao nhiêu, chi phí quản lý doanh nghiệp thực phát sinh là bao nhiêu. Từ đó rất khó khăn cho các nhà quản lý khi muốn đưa ra cách quản lý tốt nhất về chi phí này.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu tại công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Giải pháp thứ nhất: Về việc luân chuyển chứng từ:

Đặc thù nghề nghiệp của Doanh nghiệp là cuối tháng tổng hợp các chương trình được phát sóng rồi mới xuất hóa đơn một loạt, rồi ghi nhận doanh thu vào cuối tháng. Vì vậy mà công việc vào cuối tháng, quý, năm đối với kế toán doanh thu cần phải biết phân bổ một cách hợp lý, khoa học, những việc gì có thể làm trước thì giải quyết trước cuối tháng thì lúc sẽ giảm tải được công việc vào cuối tháng. Kế toán phải là người cẩn thận, có kinh nghiệm để tránh nhầm lẫn hoặc khi sai phát hiện ra nhanh chóng và sửa chữa kịp thời không làm ảnh hưởng tới tiến độ công việc.

2. Giải pháp thứ hai: Về hệ thống tài khoản:

Kết toán muốn theo dõi phân thành 2 nhóm 1 bên có hợp Đồng giấy tờ hợp lệ bên kia là khách lẻ không hợp đồng thì có thể phân như sau:

- ✓ Tài khoản 51131: Doanh thu cung cấp dịch vụ ngoài hợp đồng.
- ✓ Tài khoản 511312: Doanh thu cung cấp dịch vụ - quảng cáo.
- ✓ Tài khoản 511313: Doanh thu cung cấp dịch vụ - khác.
- ✓ Tài khoản 51132: Doanh thu cung cấp dịch vụ theo hợp đồng.
- ✓ Tài khoản 511321: Doanh tu cung cấp dịch vụ - quảng cáo.
- ✓ Tài khoản 511322: Doanh tu cung cấp dịch vụ - quảng cáo OMC.
- ✓ Tài khoản 5118: Doanh thu khác

Và hệ thống sổ sách sẽ thay đổi như sau:

Ví Du 1:

Ngày 09/03/2010. Xuất HĐ GTGT số 015481 *Cung cấp dịch vụ Quảng Cáo* phát sóng chương trình gỡ cửa chào xuân cho công ty cổ phần dây và cáp điện Thường Xuân. Giá bán chưa bao gồm thuế 10% là 13 636 364. Bán chưa thu tiền.

Định khoản

Nợ TK131	15 000 000
Có TK511312	13 636 364
Có TK3331	1 363 636

Sổ sách sẽ được sửa như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương
Số 4 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản : 511312

Tên sản phẩm : Quảng Cáo

tháng 3 năm 2010

Ngày	Mã Ct	So Ct	Diện giai	Tai khoan	SL	Đơn giá	Ps no	Ps co	Các khoản giảm trừ
.....		
3/9	HD	15481	phát sóng ch- ong trình "Gỗ cửa chào xuân"						
- -			Phải thu của khách hàng - Quảng Cáo	1312	1	11 363 636		13 636 364	
3/31	TD		Kết chuyển doanh thu	911			1 099 108 620		
			Cộng phát sinh				1 099 108 620	1 099 108 620	
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

3. Giải pháp thứ ba: Về quản lý chi phí:

Để thuận tiện cho công tác quản lý về chi phí, phục vụ cho mục tiêu tăng lợi nhuận bằng cách giảm chi phí 1 cách hợp lý mà không ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Theo em kế toán nên phân chi phí thành chi phí bán hàng (641) và chi phí quản lý doanh nghiệp (642). Thông qua đó có thể theo dõi và báo cáo nên cấp trên các số liệu 1 cách nhanh và chính xác hơn.

KẾT LUẬN

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những mục tiêu mà bất kỳ một doanh nghiệp nào đã và đang tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đều quan tâm và muốn đạt được. Để theo dõi hiệu quả của những chính sách kinh tế, theo dõi thành quả của các kỳ sản xuất kinh doanh, tất cả các doanh nghiệp dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Điều quan trọng là mỗi công ty tổ chức hạch toán này như thế nào để việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý, theo dõi, giám đốc các khoản thu nhập, lợi nhuận của công ty được tốt nhất và phục vụ đắc lực cho việc ra quyết định kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần truyền thông Đại Dương, thông qua việc tìm hiểu công tác tổ chức hạch toán tại công ty, kết hợp với kiến thức đã được học ở trường giúp em củng cố thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Qua đó em đã nhận thức toàn diện hơn về công tác kế toán tại Công ty, đặc biệt là công tác kế toán “doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh”.

Trên cơ sở tiếp cận với công tác tổ chức hạch toán thực tế tại công ty, em đã có một số biện pháp đề xuất với mong muốn góp phần làm hoàn thiện hơn công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty.

Do trình độ kiến thức còn hạn chế, thời gian thực tập ngắn nên luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô cùng các bạn sinh viên.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô trong khoa Quản trị, ngành Kế toán – Kiểm toán Đại học dân lập Hải Phòng, Ban giám đốc và các anh chị phòng kế toán tại Công ty Cổ phần truyền thông Đại Dương. Đặc biệt là Thầy Chúc Anh Tú đã tận tình hướng dẫn em trong thời gian thực tập để em có thể hoàn thành tốt luận văn của mình.

Trân trọng kính chào!

Hải Phòng, Ngày Tháng Năm 2011

Sinh viên thực hiện

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.	6
1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	6
1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp	6
1.1.1.1 Khái niệm	6
1.1.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu	6
1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp	8
1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá.....	9
1.1.2.1 Khái niệm	9
1.1.2.2 Các loại chi phí.....	10
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	10
1.1.4 Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2 VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	11
1.2.1 Vai trò của kế toán bán hàng	11
1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng	12
1.3 KẾ TOÁN DOANH THU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	12
1.3.1 Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.3.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12
1.3.1.2 Hạch toán các khoản giảm trừ.....	14
1.3.1.3 Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu ...	15
1.4 KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	20
1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán.....	20

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.1.1	Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán	20
1.4.1.2	Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán	21
1.4.2	Kế toán chi phí bán hàng.....	22
1.4.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.5	KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	26
1.5.1	Kết quả kinh doanh.	26
1.5.2	Nội dung, yêu cầu xác định kết quả kinh doanh	27
1.5.2.1	Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	27
1.5.2.2	Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh.	27
1.6	HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP.....	29
1.6.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.6.2	Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	30
1.6.3	Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	30
1.6.4	Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	31
1.6.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
1.6.5.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy.....	31
1.6.5.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG		33
2.1	KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.	33
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.....	33
2.1.2	Lĩnh vực sản xuất.	34
2.1.3	Cổ đông sáng lập và vốn điều lệ của công ty.....	34
2.1.4	Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty.	35
2.1.5	Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.	37

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.6. Thành tích đạt được.....	39
2.1.7. Hình thức kế toán và niên độ kế toán doanh nghiệp áp dụng.....	41
2.2 THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.	46
2.2.2. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.....	47
2.2.3. Doanh thu từ hoạt động tài chính.....	59
2.2.4. Kế toán Giá vốn hàng bán.....	64
2.2.5. Kế toán quản lý doanh nghiệp.....	72
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	80
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI DƯƠNG.	84
3.1. Đánh giá chung về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	84
3.1.1. Ưu điểm.....	84
3.1.2: Nhược điểm.....	86
3.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu tại công ty cổ phần truyền thông Đại Dương.....	87
KẾT LUẬN	91